

Số: Kon51/2025

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2025

[illegible]

Vĩnh Sơn 4	Mức nước (H, m)									
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)									
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)									
Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)	154,50	154,50		154,50	154,85	154,95	154,90	154,90	154,75
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	142,00	210,00		58,00	67,63	65,93	63,59	60,82	57,81
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	30,00	160,00		58,00	66,00	66,00	64,00	62,00	60,00
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	659,25	659,31	659,31	659,31	659,25	659,20	659,20	659,15	659,15
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	9,51	5,40	7,19	1,98	2,16	2,06	1,94	1,79	1,63
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	1,10	4,50	4,50	4,50	4,50	4,50	4,50	4,50	4,50
Định Bình	Mức nước (H, m)					73,59	73,89	74,18	74,45	74,71
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					95,00	94,23	91,14	87,83	84,37
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					20,50	20,50	20,50	20,50	20,50
Núi Một	Mức nước (H, m)				39,20	45,60	50,00	50,00	50,00	50,00
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				2,60	2603,00	2571,00	2529,00	2481,00	2429,00
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				63,44	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				3,34	3324,00	3296,00	3261,00	3221,00	3177,00
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				4,00	4,00	4,00	4,00	4,00	4,00
Văn Phong	Mức nước (H, m)					24,60	24,50	24,45	24,30	24,20
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					67,14	66,03	64,55	62,84	61,01
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					77,38	77,19	77,09	76,81	76,61

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 774,96 m
- Lưu lượng đến hồ: 7,50 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 820,48 m
- Lưu lượng đến hồ: 7,12 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 974,40 m
- Lưu lượng đến hồ: 6,32 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 154,50 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 659,31 m
- Lưu lượng đến hồ: 1,98 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 0,00 m
- Lưu lượng đến hồ: 0,00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 39,20 m
- Lưu lượng đến hồ: 2,60 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 63,44 m
- Lưu lượng đến hồ: 3,34 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 0,00 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH



Ngô Thị Thủy